TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2023
V/v yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2007. Trong thời gian chung sống chúng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, thực tế từ trước đến nay chúng tôi cũng không thể cùng nhau trao đổi để giải quyết những mâu thuẫn, không thể tìm được tiếng nói chung,

xảy ra cãi vã thường xuyên. Từ khoảng tháng 12/2022 đến nay chúng tôi đã ly thân, tôi thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, nên tôi kiên quyết xin được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 người con là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 27/10/2012. Theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con đến khi đủ 18 tuổi nhưng các con đều có mong muốn của riêng con nên tôi tôn trọng ý kiến của con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay tôi làm nông, thu nhập hàng tháng không thể tính chính xác, vì thu nhập chủ yếu theo mùa của nông sản, thời gian nông nhàn đi làm thuê các công việc khác nhưng tôi có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/7/2007. Trong thời gian chung sống chúng tôi cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, xảy ra cãi vã vì bực bội khi đi làm về mệt mỏi. Nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế gia đình, không thống nhất trong việc quản lý, chi tiêu. Quá trình giải quyết vụ án tôi thấy mẫu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên tôi đề nghị Tòa án hòa giải cho chúng tôi đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Thực tế sau các lần hòa giải tại Tòa án thì tôi đi làm, có gọi điện về nhưng giữa tôi và chị T không thể tìm được tiếng nói chung, không trao đổi được việc giải quyết các mâu thuẫn của vợ chồng. Chị T kiên quyết xin ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho chúng tôi theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 27/10/2012. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì tôi không đồng ý vì hai con còn đang đi học, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con. Các con đã có ý kiến, nên tôi cũng tôn trọng ý kiến của con, hơn một tháng nay con gái ở với mẹ, con trai ở với tôi.

Về cấp dưỡng: Nếu tôi được giao quyền trực tiếp nuôi con thì tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng. Hiện nay tôi làm nghề xây dựng, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Căn cứ yêu cầu của đương sự, ý kiến của các con chung, đề nghị giao con là Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 27/10/2012, cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Giao con là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/3/2008 cho anh Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh Th kết hôn trên cở sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K vào ngày 16/7/2017, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Chị T và anh Th đều thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng không thể hàn gắn tình cảm, giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống, thực tế đã sống ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn, anh Th cũng cho rằng do chị T kiên quyết xin ly hôn, không thể hàn gắn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy

trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Th xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 27/10/2012. Chị T và anh Th đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhưng sẽ tôn trọng ý kiến và mong muốn của các con. Căn cứ nội dung biên bản hỏi ý kiến của các con thể hiện, cháu Q có mong muốn được sống với anh Th, cháu N muốn được sống với chị T. Anh Th và chị T đều có việc làm, có thu nhập, có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, trên cơ sở yêu cầu của đương sự, ý kiến mong muốn của các con chung và thực tế từ khi sống ly thân thì cháu N sống với chị T, cháu Q sống với anh Th. Do đó, cần giao cháu Q cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T, anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Th đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 03/3/2008 cho anh Nguyễn Văn Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Th đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng số AA/2021/0020716, ngày 02/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã C, huyện K;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân